

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2022/HN&GD-ST

Ngày: 16/8/2022.

“V/v: *Kiện ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Long

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Nguyễn Khắc Vũ.

Ông Y Nai Ksor.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- *Đại diện VKSND huyện Ea H'Leo:* Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “*Kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXX-ST, ngày 20/7/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989. Trú tại: thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn L đăng kết hôn ngày 14/3/2012 tại UBND xã E, huyện E, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng càng về sau thì anh L thay đổi tính tình, hay rượu chè, không quan tâm vợ con và nhiều lần chửi mắng, đánh đập chị L. Do không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa, nên chị L đã chuyển ra ngoài sống ly thân từ tháng 01/2022. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị L và anh L đã có 03 người con chung là: Nguyễn Trần Trúc V, sinh ngày 13/6/2012; Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 18/9/2014 và Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 05/6/2017, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả 03 con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Bị đơn** anh Nguyễn Văn L, trình bày (*tại bản tự khai và biên bản hòa giải*):

Anh Lam và chị Trần Thị L kết hôn với nhau năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân là tự nguyện, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến khoảng năm 2020, do hình dịch bệnh, công việc bấp bênh, cuộc sống vất vả, nên gia đình có phần xáo trộn. Nhiều lúc không chịu đựng được áp lực nên vợ chồng xảy ra cãi vã và tôi có đánh chị L. Vào năm 2021, tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, nhưng tôi đã tìm mọi cách để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Đến cuối năm 2021 vợ tôi nói về quê để thăm gia đình nhưng thực chất là có quan hệ bất hợp pháp với một người khác tại Đà Nẵng. Tôi đã đưa chị L về với gia đình. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng tôi đã sống riêng. Tôi vẫn mong muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng để cùng nuôi dạy con cái. Vì vậy, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 03 người con chung là Nguyễn Trần Trúc V, Nguyễn Trần Linh Đ, Nguyễn Trần Đăng K như chị L trình bày.

Nếu chị L vẫn quyết tâm ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị L phải góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 15/4/2022 các cháu Nguyễn Trần Trúc V và Nguyễn Trần Linh Đ đều trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản phô tô bản sao giấy khai sinh của các cháu: Nguyễn Trần Trúc V, Nguyễn Trần Linh Đ, Nguyễn Trần Đăng K; sổ Hộ khẩu gia đình phô tô; Bản tự khai của chị L, anh L và các cháu V, Đ; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân.

Tại phiên Tòa Thẩm phán công bố tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thảo luận các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng của các đương sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về thời hạn xét xử: đảm bảo đúng thời hạn theo quy định. Về nội dung: Yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung: Mặc dù tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh L có yêu cầu được nuôi con, nhưng tại phiên tòa anh L vắng mặt lần thứ hai không lý do là từ bỏ yêu cầu của mình, nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao cả 03 con chung cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn Lam đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt lần thứ 02 không lý do. Nguyên đơn có

đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 14/3/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình sống chung với anh L, hai người đã có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và nhiều lần anh L đánh chị L, điều này anh L cũng thừa nhận tại bản tự khai và Biên bản hòa giải. Do không thể duy trì cuộc sống chung nên chị L đã chuyển ra ngoài sinh sống từ đầu năm 2022 đến nay. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh L không đồng ý ly hôn chỉ là ý kiến của cá nhân ông, không được chị L chấp nhận. Mặt khác, tình cảm vợ chồng phải được bắt nguồn từ hai phía và phải tự nguyện, mỗi khi một trong hai người đã không còn tình cảm không còn yêu thương quan tâm chăm sóc đến nhau nữa thì không thể ép buộc họ tiếp tục sống chung với nhau. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L là có căn cứ, phù hợp với các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh L có 03 người con chung: Nguyễn Trần Trúc V, sinh ngày 13/6/2012; Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 18/9/2014 và Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 05/6/2017. Quá trình giải quyết vụ kiện cả chị L và anh L đều có nguyện vọng được nuôi cả 3 con.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L, HĐXX thấy, chị L hiện có việc làm và có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi con đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần chấp nhận giao các con chung Nguyễn Trần Trúc V, Nguyễn Trần Linh Đ, Nguyễn Trần Đăng K cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của anh L, tại phiên hòa giải anh L yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, nhưng không chứng minh được điều kiện thu nhập để nuôi con và tại phiên tòa anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên được xem là từ bỏ yêu cầu của mình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L.
- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Trần Trúc V, sinh ngày 13/6/2012; Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 18/9/2014 và Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 05/6/2017 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: 0010924, ngày 24 tháng 3 năm 2022.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Long